TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20-9-2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1991 (Có mặt).

Cư trú: Ấp V, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp V, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 5 năm 2018 và tại phiên tòa, chị Lê Thị Thùy T trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18 tháng 12 năm 2009. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và thường xuyên xảy ra tranh cải, hiện chị và anh Trần Văn T đã không còn sống chung. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của chị Lê Thị Thùy T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Lê Thị Thùy T ly hôn với anh Trần Văn T. Về án phí buộc chị Lê Thị Thùy T phải chịu theo quy định chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc chị Lê Thị Thùy T xin ly hôn anh Trần Văn T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, anh Trần Văn T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Trần Văn T là có căn cứ.

[2] Xét về hôn nhân, chị Lê Thị Thùy T và anh Trần Văn T kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phú Tân vào ngày 18 tháng 12 năm 2009, nên hôn nhân giữa chị Lê Thị Thùy T và anh Trần Văn T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị Lê Thị Thùy T cho rằng quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp và thường xuyên xảy ra tranh cải, hiện chị và anh Trần Văn T đã không còn sống chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị Lê Thị Thùy T yêu cầu ly hôn. Đối với anh Trần Văn T không có ý kiến về nội dung khởi kiện của chị Lê Thị Thùy T. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án huyện Phú Tân đã cho thấy, giữa chị Lê Thị Thùy T và anh Trần Văn T quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên đã không còn sống chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn T đã được thông tin về nội dung khởi kiện của chị Lê Thị Thùy T nhưng anh Trần Văn T không có ý kiến phản đối, không có thiện chí và nguyện vọng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên giữa chị Lê Thị Thùy T và anh Trần Văn T không thể tiếp tục cuộc sống chung. Xét vì mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị Lê Thị Thùy T ly hôn với anh Trần Văn T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Chị Lê Thị Thùy T xác định con chung, tài sản chung và nợ chung là không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Lê Thị Thùy T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Thùy T ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Lê Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007049, ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, chị Lê Thị Thùy T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị Thùy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương